

Số: /BC-YTĐL

Đắk Glei, ngày tháng năm 2020

## BÁO CÁO

### Công tác an toàn vệ sinh lao động, chăm sóc sức khỏe người lao động năm 2020

**Tên cơ sở y tế:** Trung tâm Y tế huyện Đắk Glei

**Trực thuộc:** Sở Y tế tỉnh Kon Tum

**Địa chỉ:** Thôn Đắk Dung - thị trấn Đắk Glei - huyện Đắk Glei - tỉnh Kon Tum.

#### I. Số cán bộ công nhân viên

- Tổng số: 191 người, trong đó nữ: 118 người.

- Tổng số CCVC&NLĐ trực tiếp sản xuất/Điều trị, chăm sóc bệnh nhân: 191 người, trong đó nữ: 118 người.

- Số lao động làm việc trong điều kiện nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (loại IV, V, VI): 21 người.

#### II. Điều kiện lao động và số người lao động tiếp xúc với yếu tố có hại

TT	Yếu tố độc hại	Tổng số mẫu đo	Số mẫu vượt TCCP	Số lao động tiếp xúc	Số nữ tiếp xúc
1	Vi khí hậu	17	0	105	73
2	Bụi	16	0	105	73
3	Tiếng ồn, rung	16	0	105	73
4	Ánh sáng	16	0	105	73
5	Hóa chất độc	02	0	105	73
6	Nặng nhọc, căng thẳng thần kinh	15	0	105	73
7	Yếu tố khác (Máy photocopy)	15	0	105	73
8	Vi khuẩn	18	0	105	73
9	Vi rút	18	0	105	73

#### III. Thực hiện vệ sinh lao động và an toàn lao động

1. Trong quý qua có được kiểm tra vệ sinh lao động: Có [ x ] Không [ ]

2. Trong quý qua có kiểm tra an toàn lao động: Có [ x ] Không [ ]

3. Đơn vị có lập hồ sơ vệ sinh lao động: Có [ x ] Không [ ]
4. Đơn vị có lập hồ sơ quản lý sức khỏe và bệnh tật người lao động:  
Có [ x ] Không [ ]

#### IV. Huấn luyện về an toàn vệ sinh lao động

- Tổng số người được huấn luyện/Tổng số người lao động: 01 người.
- Số người huấn luyện lần đầu: 01 người.
- Số người được huấn luyện lại: 0 người.
- Số người được cấp thẻ an toàn lao động: 0 người.
- Số nhân viên nữ lao động loại IV, V, VI được huấn luyện an toàn vệ sinh lao động: 01 người.

#### V. Ốm đau nghỉ việc, tai nạn lao động

Nghỉ ốm				Tai nạn lao động						
Số người nghỉ ốm	Tỷ lệ %	Số ngày nghỉ ốm	Tỷ lệ %	Tổng số người	Số người nghỉ việc trên 3 ngày	Số người nghỉ việc trên 15 ngày	TNL Đ do chấn thương	TNL Đ do hóa chất	Giám định bệnh nghề nghiệp	Người bị tàn phế
186	97.4	616	52.1	0	0	0	0	0	0	0

#### VI. Bệnh nghề nghiệp được bảo hiểm cộng dồn đến quý II năm 2020

Tên bệnh	Số nam	Số nữ	Yếu tố tiếp xúc	Tuổi đời	Tuổi nghề	Đã giám định BNN %	Đã hưởng hoặc không hưởng CDBH	Môi trường tiếp xúc hiện nay
0	0	0	0	0	0	0	0	0

#### VII. Tổng số trường hợp đến khám chữa bệnh trong quý II năm 2020

T	T	Nhóm bệnh	Số trường hợp			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1		Iả chảy, viêm dạ dày, ruột do nhiễm trùng	1	2	0	0
2		Lao phổi	0	0	0	0
3		Ung thư	0	0	0	0
4		Nội tiết	0	0	0	0

T T	Nhóm bệnh	Số trường hợp			
		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
5	Bệnh tâm thần	0	0	0	0
6	Bệnh thần kinh trung ương và ngoại biên	0	0	0	0
7	Bệnh mắt	1	2	0	0
8	Bệnh tai	1	0	0	0
9	Bệnh tim mạch	1	1	0	0
10	Viêm xoang, mũi họng, thanh quản cấp	3	3	0	0
11	Viêm xoang, mũi họng, thanh quản mạn	1	0	0	0
12	Viêm phế quản cấp	5	4	0	0
13	Viêm phế quản mạn	1	1	0	0
14	Viêm phổi	0	0	0	0
15	Hen phế quản, giãn phế quản, dị ứng	0	0	0	0
16	Bệnh dạ dày, tá tràng	3	2	0	0
17	Bệnh gan mật	2	2	0	0
18	Bệnh thận, tiết niệu	0	0	0	0
19	Bệnh phụ khoa/số nữ	0	0	0	0
20	Sảy thai/số nữ có thai	0	0	0	0
21	Bệnh da	2	3	0	0
22	Bệnh cơ xương khớp	0	0	0	0
23	Bệnh nghề nghiệp	0	0	0	0
24	Bệnh sốt rét	0	0	0	0
25	Các loại bệnh khác	1	0	0	0
26	Số bị tai nạn lao động	0	0	0	0

### VIII. Xếp loại sức khỏe năm 2020

Số khám SKDK	Số người	Loại I	Loại II	Loại III	Loại IV	Loại V	Ghi chú
Nam	0	0	0	0	0	0	Thực hiện vào 7/2020
Nữ	0	0	0	0	0	0	
<b>Tổng số</b>	0	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%	

### IX. Các loại máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động

1. Tổng số máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn vệ sinh lao động: 0

2. Số máy, thiết bị đã được đăng ký: 0

3. Số máy, thiết bị đã được kiểm định và cấp phép: 0

**X. Bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại**

1. Tổng số người được bồi dưỡng: 55 người

Tổng số tiền: 74.892.320 đồng

**XI. Chi phí cho Y tế và bảo hộ lao động**

**1. Chi phí cho hoạt động Y tế:** 0 đồng

- Chi phí tiền thuốc: 0 đồng

- Chi phí cấp cứu, điều trị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 0 đồng.

**2. Chi phí cho BHLĐ:** 163.332.654 đồng, trong đó:

- Chi phí cho thiết bị an toàn vệ sinh lao động: 0 đồng

- Quy trình, biện pháp cải thiện điều kiện lao động: 0 đồng

- Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân: 64.940.334 đồng

- Bồi dưỡng bằng hiện vật: 74.892.320 đồng

- Tuyên truyền, huấn luyện: 4.500.000 đồng

- Phòng cháy chữa cháy: 19.000.000 đồng

- Chi phí cho công việc khác: không

**Nơi nhận:**

- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh;
- Các bộ phận trực thuộc;
- Lưu: VT, Khoa ATTP.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Y Vũ**